Mô tả Usecase

1. *Mô tả usecase Tìm kiếm sản phẩm*

|  |
| --- |
| 1. Tên Use Case  Tìm kiếm sản phẩm  2. Mô tả vắn tắt  Use case này cho phép người dùng tìm kiếm sản phẩm dựa trên các tiêu chí khác nhau như tên sản phẩm, danh mục, thương hiệu, ....  3. Luồng các sự kiện  3.1.Luồng cơ bản   1. Use case này bắt đầu khi người dùng bấm vào ô tìm kiếm và nhập từ khóa, tiêu chí tìm kiếm(tên sản phẩm, danh mục, thương hiệu, …) trên website. 2. Khách hàng nhấn nút “Tìm kiếm” hoặc phím “Enter”. 3. Hệ thống sẽ nhập từ khóa và tiêu chí tìm kiếm của khách hàng và truy vấn cơ sở dữ liệu để tìm kiếm sản phẩm phù hợp. 4. Hệ thống hiển thị danh sách sản phẩm phù hợp với tiêu chí tìm kiếm. Kết quả được hiển thị theo danh sách sản phẩm, mỗi sản phẩm được hiển thị với thông tin cơ bản(hình ảnh, tên sản phẩm, giá tiền, …).   3.2. Các luồng rẽ nhánh   1. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc. 2. Nếu không tìm thấy sản phẩm nào phù hợp, hệ thống sẽ thông báo “Không tìm thấy sản phẩm nào phù hợp” và gợi ý khách hàng thay đổi từ khóa, tiêu chí tìm kiếm.   4. Các yêu cầu đặc biệt  Không có.  5. Tiền điều kiện  Khách hàng đã truy cập vào website bán hàng.  6. Hậu điều kiện  Use case thành công thì người dùng xem được danh sách sản phẩm phù hợp với tiêu chí tìm kiếm (nếu có).  7. Điểm mở rộng  Hệ thống có thể cung cấp các tính năng tìm kiếm nâng cao như:   * Tìm kiếm theo từ khóa gần đúng. * Gợi ý từ khóa tìm kiếm. * Lưu lịch sử tìm kiếm. |

1. *Mô tả usecase thêm sản phẩm vào giỏ hàng.*

|  |
| --- |
| 1. Tên Use Case  Thêm sản phẩm vào giỏ hàng.  2. Mô tả vắn tắt  Use case cho phép khách hàng thêm những mặt hàng mà mình muốn mua vào giỏ hàng của mình để tiến hành đặt hàng.  3. Luồng các sự kiện  3.1.Luồng cơ bản   1. Use case này bắt đầu khi khách hàng chọn sản phẩm muốn mua khi xem chi tiết sản phẩm hoặc duyệt qua danh sách sản phẩm. 2. Khách hàng kích vào sản phẩm mình muốn thêm vào giỏ hàng. Hệ thống sẽ hiển thị ra thông tin của sản phẩm: hình ảnh, tên sản phẩm, giá, đánh giá sản phẩm, số lượng đã bán. 3. Khách hàng chọn số lượng muốn mua và kích vào nút “Thêm vào giỏ hàng”. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin sản phẩm(số lượng tồn kho, …) và thêm sản phẩm vào giỏ hàng của khách hàng. 5. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận sản phẩm đã được thêm vào giỏ hàng. 6. Khách hàng có thể tiếp tục mua sắm và thêm các sản phẩm khác vào giỏ hàng hoặc có thể xem giỏ hàng và tiến hành đặt hàng.   3.2. Các luồng rẽ nhánh   1. Tại bước 2 trong luồng cơ bản, khi khách hàng kích vào sản phẩm nhưng mặt hàng đã hết hàng hoặc không khả dụng, hệ thống sẽ thông báo hết hàng và không cho phép người dùng thêm vào giỏ hàng. Use case kết thúc. 2. Tại bước 3 nếu chọn số lượng muốn mua quá với số lượng tối đa cho phép của một mặt hàng hệ thống sẽ thông báo lỗi và trở về số lượng là 1. Use case kết thúc. 3. Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản, nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.   4. Các yêu cầu đặc biệt  Không có.  5. Tiền điều kiện  Khách hàng đã truy cập vào website bán hàng.  6. Hậu điều kiện  Sản phẩm được thêm vào giỏ hàng của khách hàng.  7. Điểm mở rộng  Hệ thống có thể cung cấp các tùy chọn bổ sung khi thêm sản phẩm vào giỏ hàng như:   * Chọn số lượng sản phẩm. * Chọn loại sản phẩm(size, màu sắc,…). |

#### 

#### Mô tả use case Quản lí giỏ hàng.

|  |
| --- |
| 1. Tên Use Case  Quản lý giỏ hàng.  2. Mô tả vắn tắt  Use case này cho phép khách hàng xem danh sách sản phẩm, thay đổi số lượng, xóa sản phẩm và tiến hành đặt hàng trong giỏ hàng của mình.  3. Luồng các sự kiện  3.1.Luồng cơ bản   1. Use case này bắt đầu khi khách hàng nhấn vào biểu tượng giỏ hàng trên website. 2. Hệ thống sẽ hiển thị danh sách các sản phẩm trong giỏ hàng, bao gồm: Hình ảnh, tên sản phẩm, thông tin loại sản phẩm(nếu có), số lượng, giá bán, thành tiền. 3. Khách hàng quản lý sản phẩm: 4. Khách hàng có thể tăng hoặc giảm số lượng sản phẩm bằng cách kích vào nút “+” nếu tăng và kích vào nút “-” nếu giảm hoặc nhập số lượng muốn mua. 5. Khách hàng có thể xóa sản phẩm khỏi giỏ hàng bằng cách kích vào nút “Xóa”. 6. Hệ thống cập nhật giỏ hàng theo thay đổi của khách hàng(số lượng, danh sách sản phẩm sau khi xóa).   3.2. Các luồng rẽ nhánh   1. Tại bước 1 nếu giỏ hàng trống, hệ thống hiển thị thông báo ”Giỏ hàng của bạn đang trống” và gợi ý khách hàng thêm sản phẩm. 2. Tại bước 3 nếu chọn số lượng muốn thêm quá với số lượng tối đa cho phép của một mặt hàng hệ thống sẽ thông báo lỗi và trở về số lượng là 1. 3. Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản, nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.   4. Các yêu cầu đặc biệt  Không có.  5. Tiền điều kiện  Khách hàng đã truy cập vào website bán hàng.  6. Hậu điều kiện  Khách hàng xem và quản lý được giỏ hàng của mình.  7. Điểm mở rộng  Hệ thống có thể cung cấp các tính năng bổ sung:   * Chọn các sản phẩm muốn mua. * Tổng tiền phải thanh toán. |

1. *Mô tả use case Đặt hàng.*

|  |
| --- |
| 1. Tên Use Case  Đặt hàng.  2. Mô tả vắn tắt  Use case này cho phép khách hàng đặt hàng các sản phẩm trong giỏ hàng, cung cấp thông tin giao hàng, lựa chọn phương thức thanh toán và xác nhận đơn hàng.  3. Luồng các sự kiện  3.1.Luồng cơ bản   1. Use case này bắt đầu khi khách hàng chọn các sản phẩm muốn mua trong giỏ hàng và nhấn nút “Tiến hành đặt hàng” hoặc “Thanh toán”. 2. Hệ thống sẽ hiển thị chi tiết đơn hàng (danh sách sản phẩm, số lượng, giá, tổng tiền). Hệ thống yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin giao hàng(họ tên, địa chỉ, số điện thoại) và lựa chọn phương thức thanh toán (thanh toán khi nhận hàng, thanh toán online). 3. Khách hàng nhập thông tin giao hàng, lựa chọn phương thức thanh toán và có thể nhập mã giảm giá (nếu có) và kích vào nút “Đặt hàng”. 4. Hệ thống kiểm tra thông tin đơn hàng và thông tin khách hàng sau đó gửi thông báo xác nhận đặt hàng. 5. Khách hàng xác nhận thông tin và nhấn “Xác nhận”. 6. Hệ thống tạo đơn hàng mới và lưu trữ thông tin và cập nhật trạng thái đơn hàng.   3.2. Các luồng rẽ nhánh   1. Tại bước 1 nếu giỏ hàng trống, hệ thống hiển thị thông báo ”Giỏ hàng của bạn đang trống” và gợi ý khách hàng thêm sản phẩm. 2. Tại bước 3 nếu thông tin khách hàng không hợp lệ, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu khách hàng sửa lại. 3. Tại bất kỳ bước nào trong luồng cơ bản, nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.   4. Các yêu cầu đặc biệt  Không có.  5. Tiền điều kiện  Khách hàng đã truy cập vào website bán hàng.  6. Hậu điều kiện  - Đơn hàng được tạo thành công.  7. Điểm mở rộng  Hệ thống có thể cung cấp các tính năng bổ sung:   * Cho phép khách hàng theo dõi trạng thái đơn hàng. * Cho phép khách hàng đánh giá sản phẩm sau khi hoàn tất đơn hàng. |

1. *Mô tả usecase quản lý tin tức*

1. Tên Use Case

Quản lý tin tức

2. Mô tả vắn tắt

Use case này cho phép admin xem, thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng TINTUC.

3. Luồng các sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

1) Use case này bắt đầu khi admin kích vào nút “Quản lý Tin tức” trên menu quản trị. Hệ thống lấy thông tin chi tiết của các tin tức gồm: mã tin tức, tên tin tức, ngày tạo, ngày sửa, danh mục, chi tiết, trạng thái,tiêu đề từ bảng TINTUC trong cơ sở dữ liệu và hiển thị danh sách tin tức lên màn hình.

2) Thêm tin tức:

a) Admin bấm vào nút “Thêm tin tức” trên cửa sổ danh sách tin tức. Hệ thống hiển thị màn hình yêu cầu nhập thông tin chi tiết cho tin tức gồm : mã tin tức, tên tin tức, ngày tạo, ngày sửa, danh mục, chi tiết, trạng thái,tiêu đề.

b) Admin nhập thông tin của tên tin tức, ngày tạo, ngày sửa, danh mục, chi tiết, trạng thái,tiêu đề và kích vào nút “Tạo”. Hệ thống sẽ sinh một mã tin tức mới, tạo một tin tức trong bảng TINTUC và hiển thị danh sách các tin tức đã được cập nhật.

1. Sửa tin tức:

a) Admin kích vào nút “Sửa” trên một dòng tin tức. Hệ thống sẽ lấy thông tin cũ của tin tức được chọn gồm: : mã tin tức, tên tin tức, ngày tạo, ngày sửa, danh mục, chi tiết, trạng thái,tiêu đề từ bảng TINTUC và hiển thị lên màn hình.

b) Admin nhập thông tin mới tên tin tức, ngày tạo, ngày sửa, danh mục, chi tiết, trạng thái,tiêu đề. Hệ thống sẽ sửa thông tin của tin tức được chọn trong bảng TINTUC và hiển thị danh sách các tin tức được cập nhật.

1. Xóa tin tức:

a) Admin kích vào nút “Xóa” trên một dòng tin tức. Hệ thống sẽ hiển thị một màn hình yêu cầu xác nhận xóa.

b) Admin kích vào nút “Đồng ý”. Hệ thống sẽ xóa tin tức được chọn khỏi bảng TINTUC và hiển thị danh sách các tin tức đã cập nhật.

Use case kết thúc.

3.2. Các luồng rẽ nhánh

1) Tại bước 2b hoặc 3b trong luồng cơ bản, nếu admin nhập thông tin không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại. Admin có thể nhập lại thông tin để tiếp tục hoặc kích vào nút “Hủy bỏ” để kết thúc..

2) Tại bước 2b, 3b hoặc 4b trong luồng cơ bản nếu admin kích vào nút “Hủy bỏ” hệ thống sẽ bỏ qua thao tác thêm mới, sửa chữa hoặc xóa tương ứng và hiển thị danh sách các tin tức trong bảng TINTUC.

3) Tại bất kì thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt

Use case chỉ cho phép admin thực hiện.

5. Tiền điều kiện

Admin cần đăng nhập hệ thống để thực hiện use case.

6. Hậu điều kiện

Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin về cửa hàng sẽ được cập nhật trong cơ sở dữ liệu.

7. Điểm mở rộng

Không có.

1. *Mô tả usecase thống kê*

1. Tên Use Case

Thống kê

2. Mô tả vắn tắt

Use case này cho phép Admin thực hiện thống kê thông tin từ hệ thống, cụ thể là lấy dữ liệu thống kê từ bảng "THONGKE" trong cơ sở dữ liệu.

3. Luồng các sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

1) Use case bắt đầu khi Admin chọn nút "THONGKE" trên giao diện quản trị, người dùng có thể chọn 1 trong 3 loại thống kê: Thống kê đơn hàng, thống kê sản phẩm bán ra, thống kê doanh thu. Hệ thống sẽ lấy thông tin từ bảng THONGKE bao gồm: tên sản phẩm, số lượng, ngày bán, tổng doanh thu, tổng lợi nhuận và hiển thị lên màn hình. Use case kết thúc.

3.2. Các luồng rẽ nhánh

1) Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt

Use case chỉ cho phép admin thực hiện.

5. Tiền điều kiện

Admin cần đăng nhập hệ thống để thực hiện use case.

6. Hậu điều kiện

Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin về cửa hàng sẽ được cập nhật trong cơ sở dữ liệu.

7. Điểm mở rộng

Không có.

1. *Mô tả usecase đánh giá*

1. Tên Use Case

Đánh giá

2. Mô tả vắn tắt

Use case này cho phép khách hàng đánh giá sản phẩm đã mua.

3. Luồng các sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

1) Use case này bắt đầu khi người dùng bấm vào nút “Đơn hàng của tôi” trên màn hình trang chủ. Hệ thống sẽ lấy thông tin đơn hàng bao gồm: mã hóa đơn, hình thức thanh toán, trạng thái, ngày đặt, ngày giao, thao tác từ bảng DONHANG và hiển thị lên màn hình.

2) Use case tiếp tục khi người dùng bấm vào nút “Xem chi tiết” trên màn hình đơn hàng. Hệ thống sẽ lấy thông tin chi tiết đơn hàng bao gồm: mã hóa đơn, tên đơn hàng, size, số lượng, giá từ bảng CHITIETDH và hiển thị lên màn hình.

3) Use case tiếp tục khi người dùng bấm vào nút “Đánh giá” trên màn hình xem chi tiết đơn hàng. Hệ thống lấy thông tin và hiển thị màn hình đánh giá sản phẩm.

4) Trên màn hình đánh giá, người dùng nhập các thông tin cần thiết và tiến hành đánh giá sản phẩm. Use case kết thúc khi người dùng ấn “Gửi”

3.2. Các luồng rẽ nhánh

1) Tại bước 4 trong luồng cơ bản, nếu người dùng nhập thông tin không hợp lệ thì hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và yêu cầu nhập lại. Người dùng có thể nhập lại thông tin để tiếp tục hoặc kích vào nút “Hủy bỏ” để kết thúc..

2) Tại bất kì thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt

Use case chỉ cho phép admin thực hiện.

5. Tiền điều kiện

Admin cần đăng nhập hệ thống để thực hiện use case.

6. Hậu điều kiện

Nếu use case kết thúc thành công thì thông tin về cửa hàng sẽ được cập nhật trong cơ sở dữ liệu.

7. Điểm mở rộng

Không có.

1. *Mô tả usecase quản lý sản phẩm*

1. Tên Use Case: Quản lý sản phẩm

2. Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép quản trị viên thêm, sửa, xóa thông tin trong bảng Product để quản lý sản phẩm trên hệ thống.

3. Luồng các sự kiện:

3.1. Luồng cơ bản:

1. Use case bắt đầu khi quản trị viên nhấn vào nút "Sản phẩm" trên menu quản trị. Hệ thống sẽ truy cập bảng Product và lấy các thông tin sản phẩm gồm: mã sản phẩm, tên, mô tả, giá, khuyến mãi, kích thước, và hình ảnh. Sau đó hiển thị danh sách sản phẩm ra màn hình.
2. Thêm sản phẩm mới:  
   a) Quản trị viên nhấn vào nút "Thêm mới" trong cửa sổ danh sách sản phẩm. Hệ thống hiển thị biểu mẫu yêu cầu nhập thông tin sản phẩm mới.  
   b) Quản trị viên nhập thông tin sản phẩm và nhấn nút "Tạo". Hệ thống sẽ thêm sản phẩm mới vào bảng Product và hiển thị thông tin sản phẩm vừa thêm.
3. Sửa sản phẩm:  
   a) Quản trị viên nhấn vào nút "Sửa" trên một sản phẩm cụ thể. Hệ thống lấy thông tin sản phẩm từ bảng Product và hiển thị để chỉnh sửa.  
   b) Quản trị viên chỉnh sửa thông tin và nhấn nút "Cập nhật". Hệ thống sẽ cập nhật thông tin sản phẩm trong bảng Product và hiển thị sản phẩm đã được chỉnh sửa.
4. Xóa sản phẩm:  
   a) Quản trị viên nhấn vào nút "Xóa" trên một sản phẩm. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận việc xóa.  
   b) Quản trị viên nhấn "Đồng ý", hệ thống sẽ xóa sản phẩm khỏi bảng Product và hiển thị danh sách sản phẩm lên màn hình.  
   Use case kết thúc.

3.2. Luồng rẽ nhánh:

1. Tại bước 2b hoặc 3b, nếu thông tin nhập vào không hợp lệ, hệ thống sẽ báo lỗi và yêu cầu nhập lại.
2. Tại bước 2b hoặc 3b, nếu quản trị viên nhấn "Hủy bỏ", hệ thống sẽ bỏ qua thao tác thêm mới hoặc chỉnh sửa và quay lại danh sách sản phẩm.
3. Tại bước 4b, nếu quản trị viên nhấn "Không đồng ý", hệ thống sẽ bỏ qua thao tác xóa và quay lại danh sách sản phẩm.
4. Tại bất kỳ thời điểm nào, nếu không kết nối được cơ sở dữ liệu, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt:

Chỉ có quản trị viên mới được phép thực hiện use case này.

5. Tiền điều kiện:

Quản trị viên cần đăng nhập vào hệ thống.

6. Hậu điều kiện:

Nếu thành công, thông tin sản phẩm sẽ được cập nhật vào cơ sở dữ liệu. Nếu không thành công, thông tin sản phẩm giữ nguyên.

7. Điểm mở rộng:

Không có.

1. *Mô tả quản lý danh mục sản phẩm*

**1**. Tên Use Case: Quản lý danh mục sản phẩm

2. Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép quản trị viên thêm, sửa, xóa danh mục sản phẩm trong bảng ProductCategory và quản lý quan hệ cha - con giữa các danh mục.

3. Luồng các sự kiện:

3.1. Luồng cơ bản:

1. Use case bắt đầu khi quản trị viên chọn mục "Danh mục sản phẩm" trên giao diện quản trị. Hệ thống truy cập bảng ProductCategory và lấy thông tin danh mục (tên, mô tả, trạng thái, thứ tự hiển thị) để hiển thị ra màn hình.
2. Thêm danh mục mới:  
   a) Quản trị viên nhấn nút "Thêm mới" trong danh sách danh mục sản phẩm. Hệ thống hiển thị biểu mẫu để nhập thông tin danh mục mới.  
   b) Quản trị viên nhập thông tin và nhấn nút "Tạo". Hệ thống thêm danh mục vào bảng ProductCategory và hiển thị danh mục mới.
3. Sửa danh mục:  
   a) Quản trị viên nhấn vào nút "Sửa" trên một danh mục cụ thể. Hệ thống lấy thông tin danh mục từ bảng ProductCategory và hiển thị để chỉnh sửa.  
   b) Quản trị viên chỉnh sửa thông tin và nhấn "Cập nhật". Hệ thống sẽ cập nhật danh mục trong bảng ProductCategory và hiển thị danh mục đã cập nhật.
4. Xóa danh mục:  
   a) Quản trị viên nhấn vào nút "Xóa" trên một danh mục. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận việc xóa.  
   b) Quản trị viên nhấn "Đồng ý", hệ thống sẽ xóa danh mục khỏi bảng ProductCategory và hiển thị danh mục đã cập nhật.  
   Use case kết thúc.

3.2. Luồng rẽ nhánh:

1. Tại bước 2b hoặc 3b, nếu thông tin nhập vào không hợp lệ, hệ thống sẽ hiển thị lỗi và yêu cầu nhập lại.
2. Tại bước 2b hoặc 3b, nếu quản trị viên nhấn "Hủy bỏ", hệ thống sẽ hủy thao tác và quay lại danh sách danh mục.
3. Tại bước 4b, nếu quản trị viên nhấn "Không đồng ý", hệ thống sẽ hủy thao tác xóa và quay lại danh sách danh mục.
4. Nếu không kết nối được cơ sở dữ liệu, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt:

Chỉ quản trị viên mới được phép thực hiện use case này.

5. Tiền điều kiện:

Quản trị viên đã đăng nhập vào hệ thống.

6. Hậu điều kiện:

Thông tin danh mục sẽ được cập nhật thành công trong cơ sở dữ liệu.

7. Điểm mở rộng:

Không có.

1. *Mô tả usecase quản lý đơn hàng*

**1.** Tên Use Case: Quản lý đơn hàng

2. Mô tả vắn tắt:

Use case này cho phép quản trị viên và người dùng theo dõi, cập nhật trạng thái đơn hàng, và xử lý thanh toán, giao hàng qua bảng Order và OrderDetail.

3. Luồng các sự kiện:

3.1. Luồng cơ bản:

1. Use case bắt đầu khi quản trị viên chọn chức năng "Đơn hàng" từ menu. Hệ thống truy xuất dữ liệu từ bảng Order và OrderDetail và hiển thị danh sách các đơn hàng bao gồm: mã đơn hàng, tên khách hàng, ngày đặt, trạng thái hiện tại, và tổng giá trị đơn hàng.
2. Quản trị viên chọn một đơn hàng để xem chi tiết. Hệ thống hiển thị chi tiết đơn hàng từ bảng OrderDetail, bao gồm thông tin sản phẩm, số lượng, giá cả, địa chỉ giao hàng, phương thức thanh toán, và trạng thái đơn hàng.
3. Cập nhật trạng thái đơn hàng:  
   Quản trị viên chọn trạng thái mới từ danh sách (ví dụ: "Đang xử lý", "Đang giao", "Hoàn tất", "Hủy"). Hệ thống kiểm tra tính hợp lệ của trạng thái mới, nếu hợp lệ, hệ thống cập nhật trạng thái trong bảng Order và hiển thị thông báo "Cập nhật thành công".  
   Use case kết thúc.

3.2. Luồng rẽ nhánh:

1. Nếu trạng thái đơn hàng không thể thay đổi (không hợp lệ), hệ thống sẽ hiển thị lỗi và yêu cầu thử lại.
2. Nếu quản trị viên chọn "Hủy" trong quá trình thực hiện thao tác cập nhật hoặc hủy đơn hàng, hệ thống quay lại màn hình danh sách đơn hàng mà không thực hiện thay đổi gì.
3. Nếu trong quá trình xử lý có lỗi kết nối cơ sở dữ liệu, hệ thống hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt:

Quản trị viên có thể thay đổi trạng thái đơn hàng.

5. Tiền điều kiện:

Người dùng hoặc quản trị viên đã đăng nhập.

6. Hậu điều kiện:

Thông tin đơn hàng được cập nhật thành công.

7. Điểm mở rộng:

Không có.

1. *Mô tả usecase xem chi tiết sane phẩm*

***Mô tả***

1. Tên Use Case  
Xem chi tiết sản phẩm

2. Mô tả vắn tắt  
Use case này cho phép người dùng xem thông tin chi tiết của một sản phẩm từ danh sách sản phẩm có trong hệ thống.

3. Luồng các sự kiện  
3.1. Luồng cơ bản

1. Use case này bắt đầu khi người dùng chọn một sản phẩm từ danh sách sản phẩm trên giao diện.
2. Hệ thống sẽ truy vấn bảng Products để lấy thông tin chi tiết của sản phẩm đã được chọn.
3. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của sản phẩm, bao gồm tên, giá, mô tả, hình ảnh, thông tin kỹ thuật và các thông tin khác (nếu có). Use case kết thúc.

3.2. Các luồng rẽ nhánh

1. Nếu sản phẩm đã chọn không tồn tại hoặc đã bị xóa khỏi hệ thống, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi và use case kết thúc.
2. Nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu, hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt  
Không có.

5. Tiền điều kiện

* Người dùng đang truy cập hệ thống và có quyền truy cập vào danh sách sản phẩm.
* Sản phẩm đã được lưu trong bảng Products.

6. Hậu điều kiện

* Nếu use case thành công, thông tin chi tiết của sản phẩm được hiển thị cho người dùng.
* Nếu không thành công, hệ thống vẫn duy trì trạng thái hiện tại.

7. Điểm mở rộng  
Không có.

1. *Mô tả usecase đăng nhập*

***Mô tả***

1. Tên Use Case

Đăng nhập

2. Mô tả vắn tắt

Use case này cho phép người dùng đăng nhập vào tài khoản hệ thống đã được đăng ký.

3. Luồng các sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

1. Use case này bắt đầu khi người dùng bấm vào nút “Đăng nhập” trong menu. Hệ thống sẽ hiển thị lên màn hình đăng nhập. Người dùng sẽ nhập thông tin đăng nhập gồm tên tài khoản và mật khẩu, sau đó nhấn nút Đăng nhập.
2. Hệ thống sẽ truy cập vào bảng Account để kiểm tra thông tin đăng nhập của người dùng, sau đó hiển thị ra màn hình kết quả đăng nhập. Use case kết thúc.

3.2. Các luồng rẽ nhánh

1. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case, nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.
2. Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu thông tin đăng nhập không chính xác thì hệ thống sẽ báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

5. Tiền điều kiện

Người dùng có tài khoản trong hệ thống.

6. Hậu điều kiện

Use case thành công thì người dùng có thể truy cập và sử dụng các chức năng hệ thống. Nếu không thành công thì trạng thái hệ thống giữ nguyên.

7. Điểm mở rộng

Không có.

1. *Mô tả usecase đăng ký*

***Mô tả***

1. Tên Use Case

Đăng Ký

2. Mô tả vắn tắt

Use case này cho phép người dùng đăng ký một tài khoản mới.

3. Luồng các sự kiện

3.1. Luồng cơ bản

1. Use case này bắt đầu khi người dùng bấm vào nút “Đăng ký” trong menu. Hệ thống sẽ hiển thị lên màn hình đăng ký. Người dùng sẽ nhập thông tin đăng ký gồm họ tên, số điện thoại, địa chỉ, email, tên tài khoản và mật khẩu, sau đó nhấn nút Đăng ký.
2. Hệ thống sẽ thêm thông tin mới vào bảng Account, sau đó hiển thị ra màn hình kết quả đăng nhập. Use case kết thúc.

3.2. Các luồng rẽ nhánh

1. Tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện use case, nếu không kết nối được với cơ sở dữ liệu thì hệ thống sẽ hiển thị một thông báo lỗi và use case kết thúc.
2. Tại bước 2 trong luồng cơ bản, nếu thiếu thông tin cần thiết (như tài khoản hoặc mật khẩu) thì hệ thống sẽ báo lỗi và use case kết thúc.

4. Các yêu cầu đặc biệt

Không có.

5. Tiền điều kiện

Không có.

6. Hậu điều kiện

Use case thành công thì người dùng có thể truy cập và sử dụng các chức năng hệ thống. Nếu không thành công thì trạng thái hệ thống giữ nguyên.

7. Điểm mở rộng

Không có.

Phân tích các usecase

* + - 1. Phân tích usecase tìm kiếm sản phẩm
  1. *Biểu đồ tuần tự*



* 1. *Biểu đồ lớp*



1. Phân tích usecase thêm sản phẩm vào giỏ hàng
   1. *Biểu đồ tuần tự*



* 1. *Biểu đồ lớp*



1. Phân tích usecase quản lý giỏ hang
   1. *Biểu đồ tuần tự*





* 1. *Biểu đồ lớp*



1. Phân tích usecase đặt hang
   1. Biểu đồ tuần tự



* 1. *Biểu đồ lớp*



1. Phân tích usecase quản lý tin tức
   1. *Biểu đồ tuần tự*

*A screenshot of a computer

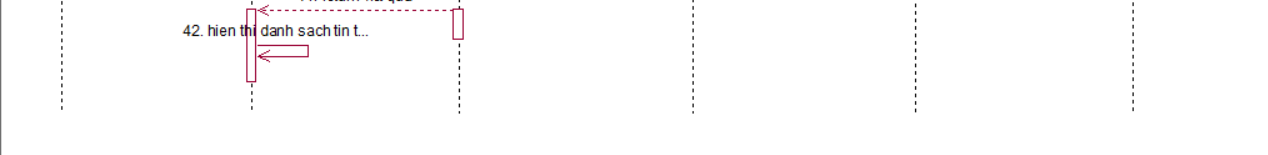
Description automatically generated*

*A screenshot of a computer

Description automatically generated*

*A screenshot of a computer screen

Description automatically generated*

**

* 1. *Biểu đồ lớp*

*A screenshot of a computer

Description automatically generated*

1. Phân tích usecase thống kê
   1. *Biểu đồ tuần tự*A diagram of a project

      Description automatically generated
   2. *Biêu đồ lớp*A diagram of a computer

      Description automatically generated
2. Phân tích usecase đánh giá
   1. *Biểu đồ tuần tự*

A screenshot of a computer

Description automatically generated

A computer screen shot of a diagram

Description automatically generated

* 1. *Biêu đồ lớp*A diagram of a computer

     Description automatically generated

1. Phân tích usecase quản lý sản phẩm
   1. *Biểu đồ tuần tự*

A diagram of a project

Description automatically generated

A screenshot of a computer

Description automatically generated

A diagram of a company

Description automatically generated

* 1. *Biêu đồ lớp*

A screenshot of a computer

Description automatically generated

1. Phân tích usecase quản lý danh mục sản phẩm
   1. *Biểu đồ tuần tự*

A diagram of a product

Description automatically generated

A diagram of a project

Description automatically generated

A screenshot of a computer

Description automatically generated

* 1. *Biêu đồ lớp*

A screenshot of a computer

Description automatically generated

1. Phân tích usecase quản lý đơn hàng
   1. *Biểu đồ tuần tự*

A screenshot of a computer

Description automatically generatedA diagram of a project

Description automatically generated

* 1. *Biêu đồ lớp*

A diagram of a computer

Description automatically generated

1. Phân tích usecase xem chi tiết sản phẩm
   1. *Biểu đồ tuần tự*

A screenshot of a computer screen

Description automatically generated

* 1. *Biêu đồ lớp*

A diagram of a computer

Description automatically generated with medium confidence

1. Phân tích usecase đăng nhập
   1. *Biểu đồ tuần tự*

A diagram of a diagram

Description automatically generated

* 1. *Biêu đồ lớp*

A diagram of a computer

Description automatically generated

1. Phân tích usecase đăng ký
   1. *Biểu đồ tuần tự*

A diagram of a company

Description automatically generated

* 1. *Biêu đồ lớp*

A diagram of a computer

Description automatically generated with medium confidence